

Tiêu chuẩn 5: Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mở đầu:

Công tác chăm sóc, giáo dục luôn là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong trường mầm non. Chính vì vậy, trường Mầm non An Phú thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và theo chỉ đạo của ngành. Giáo viên của trường biết sử dụng phương pháp dạy học tích cực, tổ chức hình thức giáo dục đa dạng nhằm giúp trẻ phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ. Giáo viên còn hình thành cho trẻ một số kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, giúp trẻ có hành vi, thói quen tốt, tự tin, chủ động, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân, đoàn kết với bạn bè, mạnh dạn trong giao tiếp, lễ phép với người lớn, đáp ứng được mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non. Cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra đánh giá quá trình phát triển của trẻ theo các lĩnh vực một cách thường xuyên, đảm bảo tính khách quan để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ giúp trẻ phát triển một cách toàn diện. Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì luôn được quan tâm chăm sóc.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch giáo dục hàng năm của nhà trường, phù hợp với các quy định của văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục mầm non, với chỉ đạo chuyên môn của ngành [H1-1.8-01].

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, căn cứ mức độ nhận thức, phát triển của trẻ và điều kiện của nhóm lớp, 100% giáo viên quan tâm phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục mầm non, đảm bảo phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với đặc điểm cơ sở vật chất của nhà trường [H1-1.8-01].

c) Cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra, dự giờ, góp ý giáo viên về việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, giúp giáo viên phát huy những mặt mạnh và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ ở từng lứa tuổi [H1-1.8-03].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ đúng theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Trong quá trình giảng dạy, đội ngũ giáo viên linh hoạt trong phương pháp, sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy giúp trẻ hứng thú tích

cực tham gia học tập, phát triển toàn diện các lĩnh vực theo từng độ tuổi. Việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường đảm bảo về chất lượng đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành học [H1-1.8-02].

b) Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non dựa trên chương trình khung do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành, trên cơ sở lồng ghép linh hoạt các nội dung giáo dục có liên quan đến truyền thống văn hóa địa phương, vùng, miền vào kế hoạch giáo dục sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của trường, đáp ứng khả năng, nhu cầu và hứng thú của trẻ [H1-1.8-02].

Mức 3:

a) Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương [H1-1.1-04]; [H1-1.2-04].

b) Hằng năm nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tổ chức thực hiện tốt và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo đúng kế hoạch đề ra; chỉ đạo giáo viên lồng ghép các yếu tố có liên quan đến văn hóa của địa phương, vùng, miền vào thực hiện chương trình giáo dục phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội. Hiệu trưởng chỉ đạo cho hội đồng chuyên môn nghiên cứu, giới thiệu đến giáo viên các trang thông tin, tài liệu giáo dục mầm non của các nước tiên tiến trong khu vực để tham khảo, học tập phát triển chương trình, đổi mới nội dung, phương pháp, phương tiện trong hoạt động giảng dạy, giáo dục phù hợp với điều kiện của trường và địa phương; tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi tổ chức, tham dự các chuyên đề, các tiết thao giảng nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chương trình, vận dụng phát triển Chương trình Giáo dục mầm non tại cơ sở.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*
- b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*
- c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H1-1.8-02].

b) Chú trọng tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thế mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm lớp như: hoạt động có chủ định của giáo viên, hoạt động lễ hội, hoạt động tham quan, dã ngoại, hoạt động trong lớp, hoạt động ngoài trời, hoạt động cả lớp - nhóm- cá nhân [H5-5.2-01].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế. Các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú để trẻ thí nghiệm theo nhu cầu. Giáo viên tạo điều kiện cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời, tham quan, dã ngoại [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01]. Tuy nhiên, khi tổ chức các hoạt động khám phá, giáo viên còn nóng vội, chưa dành nhiều thời gian cho trẻ khám phá, trải nghiệm.

Mức 3:

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Trong lớp học có đủ các góc chơi, đủ đồ dùng, đồ chơi, mảng tường của lớp có các trò chơi cho trẻ hoạt động. Ngoài lớp học có bố trí đồ chơi ngoài trời, khu chơi vận động, khu vực trồng rau, vườn hoa, khu chơi cát, chơi nước, sân trường vẽ một số trò chơi vận động, dân gian [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02];[H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Giáo viên linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm và nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

3. Điểm yếu

Khi tổ chức các hoạt động khám phá, giáo viên còn nóng vội, chưa dành nhiều thời gian cho trẻ khám phá, trải nghiệm. Môi trường lớp học chưa sử dụng nhiều các sản phẩm của trẻ để trang trí, chưa tận dụng các cơ hội cho trẻ được thực hành tạo sản phẩm. Môi trường chữ lớp mẫu giáo 5-6 tuổi chưa đa dạng các kiểu chữ in, chữ viết thường cho trẻ được làm quen.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục, tăng cường các hoạt động khám phá, trải nghiệm vào kế hoạch giáo dục của lớp nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy, rút kinh nghiệm trong việc dành nhiều thời gian, chọn lọc nhiều nguồn đề tài phong phú đa dạng cho trẻ khám phá, thử nghiệm. Hiệu trưởng chỉ đạo cho phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, tổ trưởng chuyên môn tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, hướng dẫn cho giáo viên về kỹ năng thiết kế xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ, trong đó chú trọng tăng cường tạo cơ hội cho trẻ được

thực hành tạo sản phẩm, sử dụng nhiều các sản phẩm của trẻ để trang trí môi trường lớp học; hướng dẫn giáo viên mẫu giáo 5-6 tuổi sử dụng đa dạng các kiểu chữ, nhất là kiểu chữ viết thường trong môi trường lớp học để trẻ có điều kiện, cơ hội làm quen nhiều với chữ viết.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, Nhà trường phối hợp với trạm y tế xã An Phú, Trung tâm y tế huyện Củ Chi, Bệnh viện huyện Củ Chi tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: khám sức khỏe trẻ định kỳ 2 lần/ năm, phối hợp hoạt động phòng chống dịch bệnh, tuyên truyền các bệnh theo mùa. Qua đó, nhà trường phối hợp với phụ huynh theo dõi việc điều trị của các bé ở nhà [H5-5.3-03].

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, cân nặng, đo chiều cao và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng trong sổ theo dõi sức khỏe trẻ theo quy định [H5-5.3-02].

c) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp cụ thể phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì như: thường xuyên tổ chức cho trẻ ăn thêm bữa phụ để bổ sung thêm dinh dưỡng cho trẻ; có kế hoạch tăng cường vận động, tăng cường nhiều chất xơ trong bữa ăn của trẻ thừa cân, béo phì; phối hợp cùng cha mẹ trẻ trong chăm sóc trẻ để giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì tại trường [H5-5.3-01]. Trong 05 năm học qua, 100% trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ [H1-1.2-04].

Năm học	Trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân			Trẻ suy dinh dưỡng thấp còi			Trẻ thừa cân, béo phì		
	Đầu vào	Phục hồi	Đầu ra	Đầu vào	Phục hồi	Đầu ra	Đầu vào	Phục hồi	Đầu ra
2018-2019	07	07	00	00	00	00	28	20	08
2019-2020	06	06	00	04	03	01	38	23	15
2020-2021	01	01	00	03	01	02	37	24	13
2021-2022	04	04	00	01	01	00	27	05	22
2022-2023	05	05	00	00	00	00	39	25	14

Mức 2:

a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tình

thần của trẻ em trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ như: tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng thừa cân, béo phì [H5-5.3-01]; [H5-5.3-03]. Tuy nhiên, hình thức tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú, hấp dẫn nên chưa thu hút nhiều cha mẹ trẻ tham gia.

b) Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng tính khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ bằng phần mềm dinh dưỡng Vietec, đảm bảo cân đối theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non. Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa. Các thực đơn trong tuần không trùng lặp nhau, ngoài ra trẻ còn được uống sữa, ăn yaourt, bánh flan [H5-5.3-04].

c) Trường tổ chức cân đo cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì hàng tháng và báo kết quả cân đo cho phụ huynh, đồng thời trao đổi thông tin của trẻ đến phụ huynh nhằm có biện pháp hợp lý cải thiện tình trạng sức khỏe của trẻ trong việc chọn sữa phù hợp thể trạng và thời gian bổ sung sữa hợp lý trong ngày cho trẻ. Tính đến tháng 12/2023, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học: số lượng trẻ thừa cân - béo phì đầu vào là 35/354, đầu ra là 30/354, phục hồi 09/25 tỷ lệ 25,71 %. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đầu vào là 09/354, đầu ra là 04/354, phục hồi 05/09 đạt tỷ lệ 55,55 %. Số lượng trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đầu vào 00/354 trẻ [H5-5.3-03].

Mức 3:

100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp [H5-5.3-03]. Tuy nhiên, tỷ lệ trẻ thừa cân-béo phì được cải thiện tình trạng dinh dưỡng, được phục hồi còn thấp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với Trạm Y tế xã để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ; đảm bảo cân đối nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo quy định; ứng dụng phần mềm dinh dưỡng Vietec trong việc tính khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ. Tăng cường lượng vận động và chế độ dinh dưỡng cho trẻ để giảm

tỷ lệ trẻ có thể trạng đặc biệt so với đầu năm.

3. Điểm yếu

Hình thức tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú, hấp dẫn nên chưa thu hút nhiều cha mẹ trẻ tham gia. Tỷ lệ trẻ thừa cân - béo phì được cải thiện tình trạng dinh dưỡng, được phục hồi đạt chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì hiệu quả công tác phối hợp với Trạm Y tế xã để chăm sóc sức khỏe cho trẻ; đảm bảo cân đối khẩu phần dinh dưỡng phù hợp với độ tuổi. Tăng cường hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng, hấp dẫn để cha mẹ trẻ quan tâm hơn về những nội dung như chế độ ăn của trẻ, thực đơn, phòng chống dịch bệnh theo mùa, chế độ dinh dưỡng cho trẻ và các loại bệnh phổ biến; từ đó phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; thống nhất giữa nhà trường – gia đình trong việc phối hợp thực hiện các biện pháp về cân đối khẩu phần dinh dưỡng, tăng cường vận động cho trẻ thừa cân – béo phì để nâng cao tỷ lệ phục hồi cho trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện vận động trẻ ra lớp và đạt tỷ lệ chuyên cần các độ tuổi theo từng năm học như sau [H5-5.4-01].

Năm học	Trẻ 3-4 tuổi	Trẻ 4-5 tuổi	Trẻ 5-6 tuổi
2018-2019	90,35%	94.92%	94.75%
2019-2020	90,33%	95.51%	94.97%
2020-2021	90.18%	95.46%	95.14%
2021-2022	91.93%	95.44%	95.64%
2022-2023	93,37%	95.04%	94.92%
Bình quân đạt được	91.23%	95.27%	95.08%

b) Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi, thực hiện việc tuyên truyền Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi đến cha mẹ trẻ trong cuộc họp đầu năm học và bảng tin của trường; giáo viên xây dựng kế hoạch tuyên truyền cho phụ huynh theo từng tháng

phù hợp với kế hoạch giáo dục, đặc điểm tình hình của lớp; Nhà trường có số liệu trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% và được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

Năm học	Số 5 tuổi	5 tuổi hoàn thành chương trình	
		Số lượng	Tỷ lệ
2018-2019	168	168	100 %
2019-2020	178	178	100 %
2020-2021	187	187	100 %
2021-2022	143	143	100 %
2022-2023	184	184	100 %

c) Trường hiện không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-04].

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 95%; trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 90% [H5-5.4-03]. Tuy nhiên, do trẻ lớp 3-4 tuổi còn nhỏ, mới đi học, chưa quen với chế độ sinh hoạt ở trường, sức đề kháng yếu nên thường xuyên nghỉ học, vì vậy tỷ lệ chuyên cần chưa cao [H5-5.4-01]; [H5-5.4-03].

b) Hằng năm, 100% trẻ 5 tuổi tại trường hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

Năm học	Số 5 tuổi	5 tuổi hoàn thành chương trình	
		Số lượng	Tỷ lệ
2018-2019	168	168	100 %
2019-2020	178	178	100 %
2020-2021	187	187	100 %
2021-2022	143	143	100 %
2022-2023	184	184	100 %

c) Trong những năm qua nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-04].

Mức 3:

a) Hằng năm, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

Năm học	Số 5 tuổi	5 tuổi hoàn thành chương trình	
		Số lượng	Tỷ lệ
2018-2019	168	168	100 %
2019-2020	178	178	100 %
2020-2021	187	187	100 %
2021-2022	143	143	100 %
2022-2023	184	184	100 %

b) Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập nên không thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi hằng năm đều đạt trên 95%. Bên cạnh đó, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

3. Điểm yếu

Trẻ lớp 3-4 tuổi mới đi học, chưa quen với chế độ sinh hoạt ở trường, sức đề kháng yếu nên thường xuyên nghỉ học nên tỷ lệ chuyên cần chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phối hợp với các đoàn thể trong xã và cha mẹ trẻ thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi, giúp phụ huynh có thông tin kiến thức về Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ; tiếp nhận trường hợp trẻ khuyết tật học hòa nhập khi có nhu cầu của cha mẹ trẻ. Tăng cường các biện pháp trong chăm sóc, giáo dục giúp trẻ 3-4 tuổi nhanh chóng thích nghi với chế độ sinh hoạt tại trường, khuyến khích trẻ đi học chuyên cần hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với Trạm Y tế xã để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ; đảm bảo cân đối nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo quy định; ứng dụng phần mềm dinh dưỡng Vietec trong việc tính khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ.

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi hằng năm đều đạt trên 95%. Bên cạnh đó, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

Khi tổ chức các hoạt động khám phá, giáo viên còn nóng vội, chưa dành nhiều thời gian cho trẻ khám phá, trải nghiệm. Môi trường lớp học chưa sử dụng nhiều các sản phẩm của trẻ để trang trí, chưa tận dụng các cơ hội cho trẻ được thực hành tạo sản phẩm. Môi trường chữ lớp mẫu giáo 5-6 tuổi chưa đa dạng các kiểu chữ in, chữ viết thường cho trẻ được làm quen.

Hình thức tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú, hấp dẫn nên chưa thu hút nhiều cha mẹ trẻ tham gia. Tỷ lệ trẻ thừa cân-béo phì được cải thiện tình trạng dinh dưỡng, được phục hồi đạt chưa cao.

Trẻ lớp 3-4 tuổi mới đi học, chưa quen với chế độ sinh hoạt ở trường, sức đề kháng yếu nên thường xuyên nghỉ học nên tỷ lệ chuyên cần chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04